

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày 13-5-2025

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Văn Tấn

2. Bà Trần Thị Nơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 289/2024/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXX-ST ngày 10 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-DS, ngày 25-4-2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1986 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn T kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 06-10-2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, hay xảy ra cãi nhau, hơn nữa anh T thường xuyên đi làm ăn xa, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng lạnh nhạt

tình cảm. Mâu thuẫn căng thẳng, đôi bên không khắc phục được đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện H giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Vũ Tiến Đ, sinh ngày 16-5-2006, Vũ Tiến D, sinh ngày 18 -6 -2013 và Vũ Tiến H1, sinh ngày 21-8-2016. Hiện con chung Vũ Tiến Đ đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng. Nếu ly hôn chị xin trực tiếp được nuôi dưỡng cả 02 con Vũ Tiến D và cháu Vũ Tiến H1, yêu cầu anh T góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi con là 1.200.000 đồng/tháng.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc bận nên chị đề nghị Tòa án cho chị xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị và anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt nên không có trình bày.

Tại biên xác minh và các biên bản ghi lời khai, bà Nguyễn Thị D1 là mẹ đẻ anh Vũ Văn T trình bày:

Gia đình bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà gửi cho anh Vũ Văn T; gia đình bà đã giao lại các văn bản trên cho anh T. Hiện nay anh T đang làm ăn tự do tại thành phố Hà Nội, không có địa chỉ cụ thể nên bà không cung cấp địa chỉ của anh T cho Tòa án được. Anh T biết được hiện nay Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh T, anh T thể hiện quan điểm về việc ly hôn như sau: Về hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị H kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình vào năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, hay xảy ra cãi nhau, hơn nữa anh thường xuyên đi làm ăn xa, không quan tâm đến vợ con nên dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng, đôi bên không khắc phục được đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn anh không nhất trí vì anh không muốn các con thiếu bố, trường hợp chị H cương quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: Anh và chị H có 03 con chung là Vũ Tiến Đ, sinh ngày 16-5-2006, Vũ Tiến D, sinh ngày 18 -6 -2013 và cháu Vũ Tiến H1, sinh ngày 21-8-2016. Hiện con chung Vũ Tiến Đ đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng. Nếu ly hôn anh tôn trọng nguyện vọng của các con nếu 02 con Vũ Tiến D và cháu Vũ Tiến H1 ở với chị H, anh có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi

con chung cùng chị H mỗi con là 1.200.000 đồng/tháng. Nếu các con ở cùng anh, anh không yêu cầu chị H góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì anh phải đi làm nên không về Tòa án huyện H, tỉnh Thái Bình để giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị H được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Tại biên bản ghi lời khai, các cháu Vũ Tiến D và cháu Vũ Tiến H1 trình bày: Các cháu là con chung của bố T và mẹ H, nếu bố mẹ các cháu ly hôn, các cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, chị H đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, anh T không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, Tòa án đã căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt chị H theo đúng quy định của pháp luật; anh T vắng mặt nên Tòa án đã xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Vũ Văn T. Về nuôi con chung: Xử giao cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Tiến D, sinh ngày 18 -6 -2013 và cháu Vũ Tiến H1, sinh ngày 21-8-2016. Anh Vũ Văn T phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi con là 1.200.000 đồng /tháng. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Về chia tài sản chung: Chưa giải quyết. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và tố tụng:* Chị Vũ Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Vũ Văn T, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Chị H xin vắng mặt nên TAND huyện Hưng Hà tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án cho anh T, anh T biết việc TAND huyện Hưng Hà đang thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh T nhưng do anh T không đến Tòa án để làm việc và tham gia tố tụng tại phiên tòa nên TAND huyện Hưng Hà tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo trường hợp bị đơn vắng mặt theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Vũ Thị H kết hôn với anh Vũ Văn T tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 06-10-2005, là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hòa thuận, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, chị H và anh T không khắc phục được đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Hội đồng xét xử thấy: Chị H và anh T mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh T, anh T không nhất trí ly hôn nhưng khi Tòa án triệu tập anh T đến Tòa án để làm việc và tham gia hòa giải thì anh T không đến. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị H và anh T có 03 con chung là Vũ Tiến Đ, sinh ngày 16-5-2006, Vũ Tiến D, sinh ngày 18 -6 -2013 và cháu Vũ Tiến H1, sinh ngày 21-8-2016. Hiện con chung Vũ Tiến Đ đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng; chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung; hơn nữa nguyện vọng của các con chung là được ở cùng chị H. Để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cho các con chung cần giao con chung Vũ Tiến D, sinh ngày 18 -6 -2013 và cháu Vũ Tiến H1, sinh ngày 21-8-2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh T phải góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng là 1.200.000 đồng đối với mỗi con là phù hợp với quy định của Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về chia tài sản*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh T chưa có trình bày trực tiếp về tài sản nên HĐXX chưa xem xét giải quyết tại vụ án này.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà về nội dung giải quyết vụ án phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải chịu tiền án phí góp cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Vũ Văn T.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Tiến D, sinh ngày 18-6-2013 và cháu Vũ Tiến H1, sinh ngày 21-8-2016. Anh Vũ Văn T phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi con là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng)/tháng. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về chia tài sản chung: Chưa giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003987 ngày 29-11-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (chị H đã nộp đủ). Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí góp cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị H và anh Vũ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thủy

